

Bản án số: 123/2022/HNGĐ-ST
Ngày 15-7-2022
V/v: Xin ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỘC CHÂU, TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Kiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lò Việt Huân.

2. Bà Lò Thị Minh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thuỳ Linh – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Bà Mùi Thị Quyên- Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 96/2022/TLST–HNGĐ ngày 09 tháng 3 năm 2022 về việc: Xin ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/QĐXX-HNGĐ ngày 16 tháng 6 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 21/2022/QĐST- HNGĐ, ngày 04 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Mùi Văn D, sinh năm 1985. Địa chỉ: Bản T, xã T, huyện M, tỉnh Sơn La. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Chị Lò Thị Th, sinh năm 1985. Nơi ĐKKHKT: Bản T, xã T, huyện M, tỉnh Sơn La. Hiện trú tại: Bản N, xã T, huyện M, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 20/02/2022 và trong quá trình xét xử nguyên đơn anh Mùi Văn D trình bày:

Anh và chị Lò Thị Th kết hôn với nhau ngày 08/10/2004, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, không ai bị ép buộc, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện M, tỉnh Sơn La. Cuộc sống chung vợ chồng hoà thuận hạnh phúc đến cuối năm 2021 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống. Mâu thuẫn đã được hai bên gia đình hoà giải

nhưng không đạt kết quả. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh yêu cầu ly hôn chị Lò Thị Th.

Về con chung: Anh, chị có 02 con chung là Mùi Văn N, sinh ngày 31/7/2002 và Mùi Văn D, sinh ngày 03/3/2004. Hiện các cháu đều đã trưởng thành, có khả năng lao động. Anh không đề nghị Toà án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh chị tự thỏa thuận phân chia, không kê khai và không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có

Về án phí: Anh Dũ đề nghị được miễn án phí.

Bị đơn chị Lò Thị Th trình bày: Chị và anh Mùi Văn D kết hôn ngày 08/10/2004, đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện không ai bị ép buộc. Sau ngày cưới chị về làm dâu nhà anh D. Cuộc sống chung vợ chồng hoà thuận hạnh phúc đến đầu năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách quan điểm sống không hợp nhau, mâu thuẫn đã được gia đình và chính quyền địa phương hoà giải nhưng không thành. Anh chị sống ly thân từ đầu năm 2021 đến nay. Nay anh Dũ có nguyện vọng ly hôn chị hoàn toàn nhất trí.

Về con chung: Anh, chị có 02 con chung là Mùi Văn Ngân, sinh ngày 31/7/2002 và Mùi Văn Dương, sinh ngày 03/3/2004. Hiện các cháu đều đã trưởng thành, có khả năng lao động. Chị không đề nghị Toà án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh chị tự thỏa thuận phân chia, không kê khai và không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có

Ý kiến của Kiểm sát viên:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, thư ký: Từ khi Tòa án tiến hành thụ lý vụ án cho đến khi ra quyết định đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện các thủ tục tố tụng theo đúng quy định pháp luật.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử tham gia đúng thành phần như trong quyết định đưa vụ án ra xét xử, các trình tự của phiên tòa sơ thẩm diễn ra theo đúng quy định của pháp luật.

- Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình.

- Bị đơn chị Lò Thị Th sau khi nhận được thông báo về việc thụ lý vụ án, đã khai trình bày nguyện vọng, chị Lò Thị Th đã được Toà án tổng đạt hợp lệ 02 lần, tuy nhiên vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự đề nghị HĐXX vẫn tiến hành xét xử vụ án.

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Khoản 1 Điều 51; Điều 56 Luật hôn nhân gia đình.

Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Đề nghị:

1. Xử cho Anh Mùi Văn D được ly hôn với chị Lò Thị Th.
2. Về con chung: Anh, chị có 02 con chung là Mùi Văn N, sinh ngày 31/7/2002 và Mùi Văn D, sinh ngày 03/3/2004. Hiện các cháu đều đã trưởng thành, có khả năng lao động. Anh, chị không đề nghị Tòa án giải quyết.
3. Về tài sản chung: Anh chị tự thỏa thuận phân chia, không kê khai và không đề nghị Tòa án giải quyết.
4. Về nợ chung: Không có
5. Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho anh Mùi Văn D.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên toà và các quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử phân tích, đánh giá, nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn đã cung cấp đầy đủ các yêu cầu cho việc khởi kiện. Bị đơn chị Lò Thị Th sau khi nhận được thông báo về việc thụ lý vụ án, đã khai trình bày nguyện vọng, chị Lò Thị Th đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, tuy nhiên vẫn cố tình vắng mặt. Căn cứ quy định của điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự có đủ căn cứ để xét xử vắng mặt chị Lò Thị Th.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Dũ và chị Thuát có đăng ký kết hôn, có tìm hiểu, tự nguyện là đúng pháp luật. Vì vậy quan hệ hôn nhân của anh Dũ và chị Thuát là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Chính quyền địa phương xác định nguyên nhân của sự phát sinh mâu thuẫn như anh Mùi Văn D trình bày là đúng.

Xét thấy: Mâu thuẫn vợ chồng anh D và chị Th đã thực sự trầm trọng, kéo dài, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, anh chị sống ly thân từ đầu năm 2021 đến nay không ai quan tâm đến cuộc sống của ai. Nay anh Mùi Văn D yêu cầu được ly hôn là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình. Cần chấp nhận xử cho anh D được ly hôn chị Lò Thị Th.

[3] Về con chung: Anh Mùi Văn D và chị Lò Thị Th có hai con chung là Mùi Văn N, sinh ngày 31/7/2002 và Mùi Văn D, sinh ngày 03/3/2004. Hiện các cháu đều đã trưởng thành, có khả năng lao động. Do đó không đề cập tới việc giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Hai anh chị tự thỏa thuận phân chia, không kê khai và không đề nghị Tòa án giải quyết. Xét là tự nguyện cần chấp nhận.

[5] Về nợ chung: Không có.

[6] Về án phí: Xét thấy anh Mùi Văn D là người thuộc đồng bào dân tộc thiểu số, sống ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, anh D có đơn xin miễn án phí, do đó cần miễn án phí cho anh D.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định Án phí, Lệ phí Tòa án:

1. Xử cho anh Mùi Văn D được ly hôn với chị Lò Thị Th.

2. Về con chung: Anh Mùi Văn D và chị Lò Thị Th có hai con chung là Mùi Văn N, sinh ngày 31/7/2002 và Mùi Văn D, sinh ngày 03/3/2004. Hiện các cháu đều đã trưởng thành, có khả năng lao động.

3. Về tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận phân chia, không kê khai và không đề nghị Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí:

Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho anh Mùi Văn D. Anh Mùi Văn D được trả lại 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số AA/2021/0000627 ngày 09/3/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La.

Anh Mùi Văn D được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ngày 15/7/2022.

Chị Lò Thị Th được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện Mộc Châu;
- Chi cục THADS huyện Mộc Châu;
- UBND xã Tp, huyện M (đề vào sổ hộ tịch);
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Nguyễn Trung Kiên